TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/DS-ST
Ngày 29 - 8 - 2018
"*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hợi, Ông Y Đo Niê

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 59/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2018 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Vợ chồng ông Phạm Văn V, sinh năm 1976 và bà Mai Thị Đ, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông V, bà Đ có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2018 và các lời khai của nguyên đơn vợ chồng ông Phạm Văn V, bà Mai Thị Đ trình bày:*

Vợ chồng ông V bà Đ đã nhiều lần cho anh Trần Văn T vay tiền. với tổng số tiền hiện nay anh T còn nợ là 382.000.000đồng. Cụ thể ngày 10/5/2017 (ÂL) vay 265.000.000đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 10/02/2018; Ngày 28/8/2017 vay 117.000.000đồng, thời hạn trả vào ngày 28/3/2018. Đã quá thời hạn trả, nhưng anh T không thực hiện nghĩa vụ như thỏa thuận.

Vợ chồng ông V bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả

382.000.000đồng.

** Tại bản tự khai, bị đơn anh Trần Văn T trình bày:*

Anh T công nhận có vay mượn tiền của vợ chồng ông V bà Đ để đầu tư trồng và mua bán mía từ năm 2013. Tính đến năm 2017 anh T còn nợ 382.000.000đồng như giấy vay tiền ngày 10/5/2017 (ÂL) và ngày 28/8/2017 mà nguyên đơn đã cung cấp. Do làm ăn thua lỗ nên anh T không thể trả cho vợ chồng ông V như đã thỏa thuận. Anh T đồng ý trả cho vợ chồng ông V bà Đ 382.000.000đồng, nhưng mong muốn vợ chồng ông V bà Đ gia hạn thời hạn trả nợ.

****** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung: Các bên đương sự thừa nhận số tiền nợ, nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh T phải trả cho vợ chồng ông V bà Đ 382.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 10/5/2017 (ÂL) và ngày 28/8/2017.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh T có nơi cư trú tại: Thôn M, xã C, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn anh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Bị đơn anh T thừa nhận, từ năm 2013 cho đến năm 2017 anh T thường xuyên vay tiền của vợ chồng ông V bà Đ, mục đích vay mượn là để đầu tư mua và bán nguyên liệu mía cho các Công ty mía đường. Do giá mía xuống thấp, Công ty không bán được sản phẩm, nên chưa thanh toán. Vì vậy, anh T chưa có khả năng trả nợ cho ông V bà Đ, mặc dù đã quá thời hạn trả nợ.

Tính đến thời điểm tháng 5 năm 2017 anh T còn nợ vợ chồng ông V bà Đ 382.000.000đồng, các bên giao kết hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, bị đơn thừa nhận số tiền

theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Điều 466 Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ 382.000.000đồng*(ba trăm tám mươi hai triệu đồng).*

[**3**] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền mà anh T phải trả cho nguyên đơn (382.000.000đông x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 274, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc anh Trần Văn T phải trả cho vợ chồng ông Phạm Văn V, bà Mai Thị Đ 382.000.000đồng, tiền nợ theo giấy vay tiền ngày 10/5/2017 (ÂL) và ngày 28/8/2017.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Bị đơn anh T phải chịu 19.100.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Trả lại cho nguyên đơn vợ chồng ông V bà Đ 9.550.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0006085 ngày 12/7/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện M'Đrắk.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận :
-TAND tỉnh ĐắkLắk;
-VKSND huyện M'Đrắk;
-THADS huyện M'Đrắk;
-Đương sự;
-Lưu HS.

(Đã ký)

Võ Đức Hợi